

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ

2. Mã ngành, nghề: 5510303

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	54
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	24
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Vật liệu điện và an toàn điện	3
MĐ 09	Vẽ kỹ thuật	2
MH 10	Khí cụ điện	2
MH 11	Lý thuyết mạch	3
MĐ 12	Kỹ thuật điện tử 1	3
MĐ 13	Kỹ thuật điện tử 2	4
MH 14	Máy điện	2
MĐ 15	Kỹ thuật đo lường - cảm biến	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	21
MĐ 16	Điện tử công suất	2
MH 17	Trang bị điện	2
MĐ 18	PLC	3
MĐ 19	Thiết kế mạch điện tử	3
MĐ 20	Vi điều khiển	2
MH 21	Kỹ thuật Audio - video	2
MĐ 22	Thực tập máy điện	2
MĐ 23	Thực tập trang bị điện	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 24	Thực tập điện cơ bản	2
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/chuyên đề tốt nghiệp)</i>	9
MĐ 25	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
Tổng (I+II):		65

Tổng 65 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trun

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG

2. Mã ngành, nghề: 5520223

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	47
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	19
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Vật liệu điện và an toàn điện	3
MĐ 09	Vẽ kỹ thuật	2
MH 10	Khí cụ điện	2
MH 11	Lý thuyết mạch	3
MĐ 12	Kỹ thuật điện tử	2
MH 13	Máy điện	2
MĐ 14	Kỹ thuật đo lường - cảm biến	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	19
MĐ 15	Điện tử công suất	2
MH 16	Trang bị điện	2
MĐ 17	PLC	3
MH 18	Cung cấp điện	3
MĐ 19	Thực tập điện cơ bản	2
MĐ 20	Thực tập máy điện	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 21	Thiết bị điện gia dụng	2
MĐ 22	Thực tập trang bị điện	3
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	<i>Tốt nghiệp:</i> (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ <i>chuyên đề tốt nghiệp</i>)	9
MĐ 23	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
Tổng (I+II):		58

Tổng 58 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

2. Mã ngành, nghề: 5520227

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	46
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	19
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Vật liệu điện và an toàn điện	3
MĐ 09	Vẽ kỹ thuật	2
MH 10	Khí cụ điện	2
MH 11	Lý thuyết mạch	3
MĐ 12	Kỹ thuật điện tử	2
MH 13	Máy điện	2
MĐ 14	Kỹ thuật đo lường - cảm biến	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	18
MĐ 15	Điện tử công suất	2
MH 16	Trang bị điện	2
MĐ 17	PLC	3
MH 18	Cung cấp điện	3
MĐ 19	Thực tập điện cơ bản	2
MĐ 20	Thực tập máy điện	3
MĐ 21	Thực tập trang bị điện	3
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn	0

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
II.4	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 22	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
Tổng (I+II):		57

Tổng 57 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG

2. Mã ngành, nghề: 5510305

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	46
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	19
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Vật liệu điện và an toàn điện	3
MĐ 09	Vẽ kỹ thuật	2
MH 10	Khí cụ điện	2
MH 11	Lý thuyết mạch	3
MĐ 12	Kỹ thuật điện tử	2
MH 13	Máy điện	2
MĐ 14	Kỹ thuật đo lường - cảm biến	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	18
MĐ 15	Điện tử công suất	2
MH 16	Trang bị điện	2
MH 17	Hệ thống điều khiển tự động	2
MĐ 18	PLC	3
MĐ 19	Thực tập điện cơ bản	2
MĐ 20	Vi điều khiển	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 21	Thực tập máy điện	2
MĐ 22	Thực tập trang bị điện	3
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 23	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
Tổng (I+II):		57

Tổng 57 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VÀ NĂNG LƯỢNG TÒA NHÀ

2. Mã ngành, nghề: 5510314

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	62
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	21
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Vật liệu điện và an toàn điện	3
MH 09	Khí cụ điện	2
MH 10	Lý thuyết mạch	3
MĐ 11	Kỹ thuật điện tử	4
MH 12	Máy điện	2
MH 13	Kỹ thuật đo lường - cảm biến	4
MĐ 14	Vẽ kỹ thuật	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	32
MĐ 15	Thực tập điện cơ bản	2
MĐ 16	Kỹ thuật chung về vận hành tòa nhà	2
MĐ 17	Điện tử công suất	2
MH 18	Cung cấp điện	3
MĐ 19	Kỹ thuật vận hành hệ thống cấp thoát nước	2
MĐ 20	Năng lượng tái tạo	2

MH 21	Sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả	2
MĐ 22	Kỹ thuật điện lạnh	2
MĐ 23	Mạch điện tử ứng dụng	2
MĐ 24	Điều khiển lập trình cỡ nhỏ	2
MĐ 25	Thực tập vận hành hệ thống điều hòa không khí trong tòa nhà.	2
MĐ 26	Thực tập vận hành và bảo trì hệ thống cung cấp điện trong tòa nhà	2
MĐ 27	Kỹ thuật vận hành hệ thống PCCC	2
MĐ 28	Vận hành hệ thống camera giám sát.	2
MĐ 29	Kỹ thuật vận hành hệ thống thông gió và bơm	3
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 23	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
Tổng (I+II):		73

Tổng 73 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: KỸ THUẬT MÁY LẠNH & ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

2. Mã ngành, nghề: 5520205

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	58
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	19
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MĐ 08	Vẽ kỹ thuật	2
MH 09	Kỹ thuật điện	2
MH 10	Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh và điều hòa không khí	4
MH 11	Máy điện	2
MH 12	Trang bị điện lạnh	3
MH 13	Kỹ thuật điện tử	3
MĐ 14	Điện tử công suất	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	30
MĐ 15	Đo lường điện - lạnh	3
MH 16	Lạnh cơ bản	3
MH 17	Hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	4
MH 18	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ	3
MĐ 19	Thực tập máy điện	2
MĐ 20	Thực tập trang bị điện	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 21	Thực tập lạnh cơ bản	3
MĐ 22	Thực tập máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	4
MĐ 23	Thực tập hệ thống điều hòa không khí cục bộ	4
MĐ 24	Thực tập hàn	2
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 25	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
Tổng (I+II):		69

Tổng 69 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP

2. Mã ngành, nghề: 5520225

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	47
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	12
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Lý thuyết mạch	2
MH 09	Linh kiện điện tử	2
MĐ 10	Đo lường điện tử	2
MH 11	Kỹ thuật xung - số	3
MH 12	Kỹ thuật mạch Điện tử I	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	26
MĐ 13	Thiết kế mạch điện tử	3
MĐ 14	Điện tử công suất	2
MĐ 15	PLC	3
MH 16	Vi điều khiển	2
MĐ 17	Cơ sở internet vạn vật (IOT)	3
MĐ 18	Thực tập linh kiện điện tử	2
MĐ 19	Thực tập kỹ thuật mạch Điện tử I	2
MĐ 20	Thực tập Kỹ thuật xung - số	2
MĐ 21	Thực tập Vi điều khiển	2
MĐ 22	Thực tập Thiết bị điện - điện tử	2
MH 23	Lập trình robot	3
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp (thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 24	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	TỔNG (I+II):	58

Tổng 58 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: ĐIỆN TỬ DÂN DỤNG

2. Mã ngành, nghề: 5520224

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	49
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	12
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Lý thuyết mạch	2
MH 09	Linh kiện điện tử	2
MĐ 10	Đo lường Điện tử	2
MH 11	Kỹ thuật xung - số	3
MH 12	Kỹ thuật mạch Điện tử I	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	28
MĐ 13	PLC	3
MH 14	Vi điều khiển	2
MĐ 15	Điện tử công suất	2
MĐ 16	Hệ thống âm thanh	2
MĐ 17	Thiết kế mạch điện tử	3
MH 18	Cơ sở Internet vạn vật (IOT)	3
MĐ 19	Thực tập Kỹ thuật mạch Điện tử I	2
MĐ 20	Thực tập Kỹ thuật xung - số	2
MĐ 21	Thực tập Vi điều khiển	2
MĐ 22	Thực tập Thiết bị điện - điện tử	2
MĐ 23	Thực tập linh kiện điện tử	2
MĐ 24	Hệ thống cảnh báo an ninh, an toàn	3
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp (thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 25	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	TỔNG (I+II):	60

Tổng 60 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ, TRUYỀN THÔNG

2. Mã ngành, nghề: 5510312

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	57
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	10
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Linh kiện điện tử	2
MĐ 09	Đo lường Điện tử	2
MH 10	Kỹ thuật mạch Điện tử I	2
MH 11	Kỹ thuật xung - số	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	38
MH 12	Cơ sở Internet vạn vật (IOT)	3
MĐ 13	Mạng truyền thông công nghiệp	3
MH 14	Vi điều khiển	2
MĐ 15	Mạng máy tính	2
MĐ 16	Thông tin quang	3
MH 17	Kỹ thuật Audio và Video	2
MĐ 18	Mô phỏng hệ thống truyền thông	2
MĐ 19	Thiết kế mô phỏng Anten	2
MĐ 20	Thiết kế mạch Điện tử	3
MĐ 21	Hệ thống viễn thông	2
MĐ 22	Kỹ thuật truyền số liệu	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 23	Thực tập Linh kiện điện tử	2
MĐ 24	Thực tập Kỹ thuật mạch Điện tử I	2
MĐ 25	Thực tập Kỹ thuật xung - số	2
MĐ 26	Thực tập Vi điều khiển	2
MĐ 27	Thực tập KT Audio và Video	2
MĐ 28	Thực tập truyền dẫn	2
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp (thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 29	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	TỔNG (I+II):	68

Tổng 68 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ

2. Mã ngành, nghề: 5510304

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC CHUYÊN MÔN	52
II.1	<i>Các môn học cơ sở</i>	15
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Vẽ kỹ thuật	3
MH 09	Autocad	3
MĐ 10	Đo lường điện tử	2
MĐ 11	Kỹ thuật điện tử	4
MH 12	Lập trình C	2
II.2	<i>Các môn học chuyên ngành</i>	28
MĐ13	PLC	4
MĐ14	Điện tử công suất	3
MH15	Hệ thống cơ điện tử	2
MĐ16	Thiết kế mạch điện tử	3
MĐ17	Tiện cơ bản	1
MĐ18	Thực hành Tiện CNC, Phay CNC	1
MH19	Công nghệ CAD/CAM/CNC	2
MĐ20	Phay cơ bản	1
MH21	Robot công nghiệp	3
MĐ22	Lập trình, vận hành hệ thống cơ điện tử	3
MH23	Vi điều khiển	3
MĐ24	Thực tập vi điều khiển	2
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/chuyên đề tốt nghiệp)</i>	9
MĐ 25	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	63

Tổng 63 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trun

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM)

2. Mã ngành, nghề: 5480202

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	51
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	13
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MĐ 08	Lập trình căn bản	3
MH 09	Cơ sở dữ liệu	2
MH 10	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3
MĐ 11	Mạng máy tính	4
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	29
MĐ 12	Excel nâng cao	3
MĐ 13	Lắp ráp, cài đặt và bảo trì máy tính	4
MH 14	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3
MĐ 15	Thiết kế và lập trình web	4
MĐ 16	Coreldraw	3
MĐ 17	Photoshop	3
MĐ 18	Lập trình hướng đối tượng	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 19	Lập trình Window Form	3
MĐ 20	Xây dựng phần mềm ứng dụng	3
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp (thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 21	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	TỔNG (I+II):	62

Tổng 62 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: TIN HỌC ỨNG DỤNG

2. Mã ngành, nghề: 5480205

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	58
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	13
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Cơ sở dữ liệu	2
MĐ 09	Mạng máy tính	4
MĐ 10	Lập trình căn bản	3
MH 11	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	36
MH 12	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3
MĐ 13	Lập trình Python	3
MĐ 14	Lắp ráp, cài đặt và bảo trì máy tính	4
MĐ 15	Lập trình C#	3
MĐ 16	Coreldraw	3
MĐ 17	Photoshop	3
MĐ 18	Soạn thảo văn bản nâng cao	4
MĐ 19	Excel nâng cao	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 20	Thiết kế và lập trình web	4
MĐ 21	Xây dựng phần mềm ứng dụng	3
MĐ 22	Biên tập video	3
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp (thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 23	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	TỔNG (I+II):	69

Tổng 69 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: KỸ THUẬT SỬA CHỮA, LẮP RÁP MÁY TÍNH

2. Mã ngành, nghề: 5480102

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	50
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	18
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MĐ 08	Cấu kiện điện tử	3
MĐ 09	Đo lường Điện tử	2
MĐ 10	Kỹ thuật mạch điện tử	2
MH 11	Cơ sở dữ liệu	2
MĐ 12	Lập trình căn bản	3
MĐ 13	Kỹ thuật Xung - Số	2
MH 14	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	23
MĐ 15	Thiết kế mạch in	3
MĐ 16	Lắp ráp, cài đặt và bảo trì máy tính	4
MĐ 17	Mạng máy tính	4
MĐ 18	Sửa chữa máy tính 1	4
MĐ 19	Sửa chữa màn hình LCD-LED	3
MĐ 20	Sửa chữa máy tính 2	3
MĐ 21	Thực hành Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi	2
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp (thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 22	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
	TỔNG (I+II):	61

Tổng 61 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: TRUYỀN THÔNG VÀ MẠNG MÁY TÍNH

2. Mã ngành, nghề: 5480104

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	49
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	15
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MĐ 08	Kỹ thuật điện tử	2
MH 09	Cơ sở dữ liệu	2
MĐ 10	Lập trình căn bản	3
MĐ 11	Mạng máy tính	4
MH 12	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	25
MĐ 13	Lắp ráp, cài đặt và bảo trì máy tính	4
MH 14	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3
MĐ 15	Bảo trì hệ thống mạng	3
MĐ 16	Thông tin quang	3
MH 17	Kỹ thuật audio video	2
MĐ 18	Thực tập kỹ thuật audio và video	2
MĐ 19	Quản trị mạng	3
MĐ 20	Thực tập truyền dẫn	2
MĐ 21	An toàn mạng	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp (thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 22	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	TỔNG (I+II):	60

Tổng 60 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CƠ KHÍ CHẾ TẠO

2. Mã ngành, nghề: 5520117

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	55
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	13
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	An toàn lao động	1
MH 09	Vật liệu cơ khí	2
MH 10	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 11	Vẽ kỹ thuật	3
MH 12	Cơ kỹ thuật	2
MH 13	Chi tiết máy	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	33
MH 14	Nguyên lý cắt	2
MH 15	Máy cắt kim loại	2
MH 16	Đồ gá	2
MH 17	Công nghệ chế tạo máy	4
MĐ 18	Thực tập Ngụội	2
MĐ 19	Thực tập Hàn	2
MĐ 20	Phay, bào mặt phẳng	3
MĐ 21	Phay, bào rãnh, xọc rãnh	1
MĐ 22	Phay bánh răng trụ răng thẳng	1
MĐ 23	Tiện trụ ngoài	3
MĐ 24	Tiện lỗ	1
MĐ 25	Tiện côn	1
MĐ 26	Tiện lệch tâm, tiện định hình	1

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 27	Tiện ren tam giác	2
MĐ 28	Tiện ren vuông	1
MĐ 29	Tiện ren thang	1
MĐ 30	Thực tập Tiện CNC	2
MĐ 31	Thực tập Phay CNC	2
II.3	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 32	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	66

Tổng 66 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CHẾ TẠO KHUÔN MẪU

2. Mã ngành, nghề: 5520105

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	52
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	12
MH07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH08	An toàn lao động	1
MH09	Vật liệu cơ khí	2
MH10	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH11	Vẽ kỹ thuật	3
MH12	Vẽ Autocad	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	29
MĐ13	Gia công nguội cơ bản	2
MH14	Cơ sở công nghệ gia công kim loại	4
MH15	Công nghệ chế tạo khuôn mẫu	4
MĐ16	Gia công Tiện	2
MĐ17	Gia công Phay	2
MĐ18	Gia công Mài	1
MĐ19	CAD – CAM – CNC Cơ bản	6
MĐ20	Gia công trên máy cắt dây	1
MĐ21	Gia công trên máy xung định hình	1
MĐ22	Thiết kế khuôn mẫu cơ bản	3
MĐ23	Gia công lắp ráp khuôn cơ bản	3
II.3	Môn học, mô đun tự chọn (Chọn 01 trong 02 môn học)	2
MH24	Máy cắt kim loại	2
MH25	Nguyên lý cắt	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
II.4	Tốt nghiệp (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 26	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	63

Tổng 63 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: HÀN

2. Mã ngành, nghề: 5520123

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	49
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	11
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	An toàn lao động	1
MH 09	Vật liệu cơ khí	2
MH 10	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 11	Vẽ kỹ thuật	3
MH 12	Cơ kỹ thuật	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	29
MH 13	Công nghệ Hàn	3
MH 14	Thiết bị hàn	3
MH 15	Kết cấu hàn	2
MH 16	Lý thuyết khai triển	2
MĐ 17	Chế tạo phôi hàn	1
MĐ 18	Hàn vị trí 1G (PA) bằng hồ quang tay	2
MĐ 19	Hàn vị trí 1F bằng hồ quang tay	2
MĐ 20	Hàn gấp mép bằng hồ quang tay	1
MĐ 21	Hàn vị trí 2G (PC), 2F bằng hồ quang tay	2
MĐ 22	Hàn vị trí 3G (PG), 3F bằng hồ quang tay	2
MĐ 23	Hàn vị trí 4G (PE), 4F bằng hồ quang tay	2
MĐ 24	Hàn MIG, MAG cơ bản	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 25	Hàn TIG cơ bản	2
MĐ 26	Hàn, cắt bằng ngọn lửa khí	2
MĐ 27	Hàn tiếp xúc (Hàn điện trở)	1
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 28	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	60

Tổng 60 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ Ô TÔ

2. Mã ngành, nghề: 5510216

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	58
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	11
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	An toàn lao động	1
MH 09	Vật liệu cơ khí	2
MH 10	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 11	Vẽ kỹ thuật	3
MH 12	Cơ kỹ thuật	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	36
MH 13	Kết cấu động cơ đốt trong	3
MH 14	Kết cấu khung gầm ô tô	3
MH 15	Hệ thống điện động cơ và điện thân xe	2
MH 16	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2
MH 17	Lý thuyết sửa chữa ô tô	2
MH 18	Điện tử cơ bản	2
MĐ 19	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng bộ phận cố định và cơ cấu trục khuỷu thanh truyền	4
MĐ 20	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng cơ cấu phân phối khí	2
MĐ 21	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống bôi trơn - làm mát	2
MĐ 22	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ xăng	2
MĐ 23	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel.	2
MĐ 24	Thực tập sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện động cơ	3
MĐ 25	Thực tập sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện thân xe	2
MĐ 26	Thực tập sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống truyền lực	3
MĐ 27	Thực tập sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống treo - lái phanh	2
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn (Chọn 01 trong 03 mô đun)	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 28	Thực tập sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2
MĐ 29	Thực tập sơn ô tô	2
MĐ 30	Thực tập bảo dưỡng và sửa chữa mô tô - xe máy	2
II.4	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 32	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	69

Tổng 69 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trun

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

2. Mã ngành, nghề: 5340302

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	56
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	13
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Kinh tế vi mô	2
MH 09	Nguyên lý kế toán	4
MH 10	Nguyên lý thống kê	2
MH 11	Marketing căn bản	2
MH 12	Tài chính tiền tệ	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	34
MH 13	Tài chính doanh nghiệp	3
MH 14	Kế toán doanh nghiệp 1	4
MH 15	Kế toán doanh nghiệp 2	4
MH 16	Thuế	2
MH 17	Phân tích hoạt động kinh doanh	2
MH 18	Kế toán máy	2
MH 19	Kế toán hành chính sự nghiệp	2
MĐ 20	Thực hành Kế toán doanh nghiệp	6
MĐ 21	Thực hành Kế toán máy	3
MĐ 22	Thực hành Kế toán hành chính sự nghiệp	4
MĐ 23	Thực hành kê khai thuế	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 24	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	67

Tổng 67 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

2. Mã ngành, nghề: 5340122

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	64
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	19
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Kinh tế vi mô	2
MH 09	Marketing điện tử	3
MH 10	Pháp luật thương mại điện tử	2
MH 11	Thương mại điện tử căn bản	3
MĐ 12	Photoshop	3
MH 13	Tiếng Anh thương mại điện tử	2
MĐ 14	Mạng máy tính	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	36
MH 15	Kỹ thuật nghiệp vụ thương mại	3
MH 16	Nghiệp vụ vận tải, giao nhận và bảo hiểm hàng hóa trong thương mại điện tử	3
MH 17	Nghiệp vụ bán hàng trực tuyến	4
MH 18	Tài chính - Ngân hàng	2
MĐ 19	Khai báo hải quan điện tử	3
MĐ 20	Biên tập Video	3
MH 21	Kinh tế thương mại	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 22	Chăm sóc khách hàng	2
MH 23	Khởi sự kinh doanh	2
MĐ 24	Thiết kế Web và quản trị Website	4
MĐ 25	Quảng cáo trực tuyến	2
MĐ 26	Thực hành Giao dịch B2B, B2C, C2C	5
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 27	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	75

Tổng 75 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: MAY THỜI TRANG

2. Mã ngành, nghề: 5540205

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	53
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	9
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Vật liệu may	2
MH 09	Vẽ kỹ thuật ngành may	2
MH 10	Thiết bị và an toàn ngành may	2
MH 11	Quản lý chất lượng sản phẩm may	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	35
MĐ 12	Thiết kế quần âu, áo sơ mi nam nữ	3
MĐ 13	Thiết kế áo jacket	2
MĐ 14	Thiết kế váy, áo váy	2
MĐ 15	Công nghệ sản xuất	4
MĐ 16	May áo sơ mi nam, nữ	6
MĐ 17	May quần âu nam, nữ	6
MĐ 18	May áo jacket	5

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 19	May váy, áo váy	2
MĐ 20	May sản phẩm nâng cao	5
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MH 21	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	64

Tổng 64 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CHĂM SÓC SẮC ĐẸP

2. Mã ngành, nghề: 5810404

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	51
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	13
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Giải phẫu - Sinh lý	3
MH 09	Khoa học sức khỏe và làn da	2
MH 10	Nghệ thuật chăm sóc khách hàng	2
MĐ 11	Vẽ mỹ thuật	3
MH 12	Dinh dưỡng trong làm đẹp	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	29
MĐ 13	Thế dục thẩm mỹ 1	1
MĐ 14	Chăm sóc da cơ bản	3
MH 15	Mỹ phẩm trong chăm sóc và trị liệu da	2
MĐ 16	Thế dục thẩm mỹ 2	1
MĐ 17	Chăm sóc da nâng cao	2
MĐ 18	Kỹ thuật gội đầu	2
MĐ 19	Make up cơ bản	3
MĐ 20	Make up nâng cao	2
MĐ 21	Chăm sóc móng cơ bản	3
MĐ 22	Móng nghệ thuật nâng cao	2
MĐ 23	Gội đầu dưỡng sinh	3
MH 24	Tổ chức và quản lý spa	2
MĐ 25	Massage body	3
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
II.4	Tốt nghiệp (thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 26	Thực tập/Đồ án/Khoá luận tốt nghiệp	9
	TỔNG (I+II):	62

Tổng 62 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tr

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: TIẾNG TRUNG QUỐC

2. Mã ngành, nghề: 5220209

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	53
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	5
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
MH 09	Tiếng Việt thực hành	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	40
MH 10	Nghe, nói tiếng Trung 1	4
MH 11	Đọc, viết tiếng Trung 1	4
MH 12	Hán ngữ tổng hợp 1	3
MH 13	Nghe, nói tiếng Trung 2	4
MH 14	Đọc, viết tiếng Trung 2	4
MH 15	Hán ngữ tổng hợp 2	3
MH 16	Dịch nói 1	4
MH 17	Dịch viết 1	4
MH 18	Lý thuyết dịch	2
MH 19	Đất nước học	3
MH 20	Ngữ pháp	2
MH 21	Từ vựng	3
II.3	Các môn học tự chọn: (Chọn 01 trong 02 môn học)	2
MH 22	Tiếng Trung du lịch	2
MH 23	Tiếng Trung thương mại	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
II.4	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	6
MH 24	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	6
	Tổng (I+II):	64

Tổng 64 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CẮT GỌT KIM LOẠI

2. Mã ngành, nghề: 5520121

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	55
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	8
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	An toàn lao động	1
MH 09	Vẽ kỹ thuật	2
MH 10	Vật liệu cơ khí	2
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	37
MH 12	Nguyên lý cắt	2
MH 13	Đồ gá	2
MH 14	Máy cắt kim loại	2
MH 15	Công nghệ CAD/CAM/CNC	2
MĐ 16	Thực tập Ngụội	2
MĐ 17	Thực tập Hàn	2
MĐ 18	Phay, bào mặt phẳng ngang, song song, vuông góc, nghiêng	3
MĐ 19	Phay, bào rãnh, xọc rãnh	2
MĐ 20	Phay bánh răng trụ răng thẳng	2
MĐ 21	Tiện trụ ngắn, trụ bậc, tiện trụ dài	3
MĐ 22	Tiện lỗ	2
MĐ 23	Tiện côn	1
MĐ 24	Tiện lệch tâm, tiện định hình	1
MĐ 25	Tiện ren tam giác	2
MĐ 26	Tiên ren vuông	1
MĐ 27	Tiện ren thang	1
MĐ 28	Thực tập Tiện CNC	3
MĐ 29	Thực tập Phay CNC	3
MĐ 30	Thực tập EDM & Wirecut	1
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn (Chọn 01 trong 02 môn học, mô đun)	1
MĐ 31	Phay, bào ranh đuôi én	1

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 32	Phay, bào rãnh chữ T	1
II.4	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 33	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	66

Tổng 66 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

2. Mã ngành, nghề: 5340307

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	52
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	14
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Kinh tế vi mô	3
MH 09	Nguyên lý kế toán	4
MH 10	Nguyên lý thống kê	2
MH 11	Marketing căn bản	2
MH 12	Tài chính tiền tệ	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	33
MH 13	Tài chính hành chính sự nghiệp	3
MH 14	Kế toán hành chính sự nghiệp 1	4
MH 15	Kế toán hành chính sự nghiệp 2	4
MH 16	Quản lý ngân sách Nhà nước	2
MH 17	Kế toán ngân sách xã, phường	3
MH 18	Kế toán ngân sách Nhà nước và nghiệp vụ Kho bạc	3
MH 19	Quản lý tài chính xã, phường	2
MH 20	Kế toán máy	2
MH 21	Nghiệp vụ quản lý kho bạc Nhà nước	2
MĐ 22	Thực hành Kế toán hành chính sự nghiệp	6
MĐ 23	Thực hành Kế toán máy	2
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/chuyên đề tốt nghiệp)	5
MĐ 24	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	5
	Tổng (I+II):	63

Tổng 63 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CHĂN NUÔI - THÚ Y

2. Mã ngành, nghề: 5620120

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	11
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	3
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	55
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	<i>10</i>
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Phương pháp thí nghiệm	2
MH 09	Dược lý thú y	2
MH 10	Dinh dưỡng và thức ăn CN	1
MH 11	Cơ thể và sinh lý động vật	2
MH 12	Giống và kỹ thuật truyền giống	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	<i>36</i>
MH 13	Chăn nuôi lợn	3
MH 14	Chăn nuôi gia cầm	3
MH 15	Chăn nuôi trâu bò	2
MH 16	Ngoại sản khoa	3
MH 17	Chẩn đoán và bệnh nội khoa	3
MH 18	Bệnh truyền nhiễm	3
MH 19	Bệnh ký sinh trùng	2
MH 20	Kiểm nghiệm súc sản	1
MH 21	Pháp luật chuyên ngành	1
MH 22	Vệ sinh gia súc	1
MH 23	Cơ khí chăn nuôi	2
MD 24	Thực hành Chăn nuôi lợn	2
MD 25	Thực hành Chăn nuôi gia cầm	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 26	Thực hành Chăn nuôi trâu bò	2
MĐ 27	Thực hành Ngoại sản khoa	1
MĐ 28	Thực hành Chẩn đoán và bệnh nội khoa	1
MĐ 29	Thực hành Bệnh truyền nhiễm	1
MĐ 30	Thực hành Bệnh ký sinh trùng	1
MĐ 31	Thực hành Kiểm nghiệm súc sản	1
MĐ 32	Thực hành Vệ sinh gia súc	1
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/chuyên đề tốt nghiệp)	9
MĐ 33	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	66

Tổng 66 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Tru